

Học phần: Toán cao cấp 2

Nhóm: 6

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi: 10h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
1	B15DCKT002	Đinh Mỹ Anh	D15CQKT02-B	10,0	3,0	3,0	3,0	3,7	
2	B15DCTT001	Hoàng Việt Anh	D15CQTT01-B	8,0	7,0	7,0	8,5	8,2	
3	B15DCPT008	Nguyễn Duy Tuấn Anh	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	
4	B12DCQT216	Nguyễn Ngọc Anh	D12QTM1	6,0	5,0	5,0		1,6	Vắng có phép
5	B15DCPT006	Nguyễn Quốc Anh	D15CQPT01-B	8,0	3,0	3,0	0,0	1,4	
6	B15DCKT010	Nguyễn Thị Vân Anh	D15CQKT02-B	8,0	3,0	3,0	3,0	3,5	
7	B15DCTT004	Trần Đại Bằng	D15CQTT02-B	8,0	4,0	4,0		1,6	
8	B15DCKT019	Đoàn Thị Kim Cúc	D15CQKT03-B	8,0	6,0	6,0	6,5	6,6	
9	B15DCPT030	Đoàn Mạnh Cường	D15CQPT05-B	8,0	3,0	3,0	2,0	2,8	
10	B15DCQT021	Đỗ Minh Đăng	D15CQQT01-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
11	B15DCTT010	Vũ Lê Đạt	D15CQTT02-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
12	B15DCPT036	Chu Huyền Diệu	D15CQPT01-B	8,0	3,0	3,0	5,5	5,3	
13	B15DCPT048	Nguyễn Phương Dung	D15CQPT03-B	10,0	6,0	6,0	5,0	5,7	
14	B15DCTT014	Nguyễn Thị Thùy Dung	D15CQTT02-B	10,0	6,0	6,0	3,0	4,3	
15	B15DCPT054	Trần Thị Hồng Duyên	D15CQPT04-B	10,0	8,0	8,0	6,0	6,8	
16	B15DCPT063	Nguyễn Thị Thu Hà	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	5,0	5,5	
17	B15DCPT066	Đỗ Thị Hạ	D15CQPT01-B	10,0	7,0	7,0	4,5	5,6	
18	B15DCPT069	Nguyễn Huy Hải	D15CQPT04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
19	B15DCPT068	Trần Văn Hải	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	2,5	3,8	
20	B15DCPT073	Đỗ Thị Hồng Hạnh	D15CQPT03-B	10,0	8,0	8,0	6,0	6,8	
21	B15DCQT047	Hoàng Thị Hồng Hạnh	D15CQQT03-B	8,0	3,0	3,0	0,0	1,4	
22	B15DCQT048	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	D15CQQT04-B	8,0	5,0	5,0	3,0	3,9	
23	B15DCKT046	Phạm Thị Hậu	D15CQKT02-B	10,0	4,0	4,0	4,0	4,6	
24	B15DCMR030	Nguyễn Thị Thu Hiền	D15CQMR03-B	10,0	5,0	5,0	5,5	5,9	
25	B15DCPT077	Trần Thanh Hiền	D15CQPT02-B	8,0	4,0	4,0	1,0	2,3	
26	B15DCPT083	Chu Quang Hiệp	D15CQPT03-B	6,0	4,0	4,0	1,0	2,1	
27	B15DCPT089	Nguyễn Minh Hiếu	D15CQPT04-B	6,0	3,0	3,0		1,2	
28	B15DCPT088	Nguyễn Thế Hiếu	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	2,0	3,2	
29	B15DCPT090	Quách Đức Hiếu	D15CQPT05-B	10,0	4,0	4,0	6,0	6,0	
30	B15DCPT093	Nguyễn Cẩm Hoa	D15CQPT03-B	6,0	2,0	2,0	6,5	5,6	
31	B15DCPT098	Vũ Thị Hoàn	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	3,5	4,5	
32	B15DCTT031	Nguyễn Tiến Hoàng	D15CQTT01-B	8,0	4,0	4,0	3,0	3,7	
33	B15DCPT103	Lê Thị Hồng	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	4,0	4,6	
34	B15DCPT105	Bùi Văn Hưng	D15CQPT05-B	8,0	3,0	3,0	0,0	1,4	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
35	B15DCQT089	Phạm Thị Hường	D15CQQT01-B	10,0	3,0	3,0	2,0	3,0	
36	B15DCPT113	Bùi Quang Huy	D15CQPT03-B	10,0	3,0	3,0	2,5	3,4	
37	B15DCTT037	Nguyễn Mậu Huy	D15CQTT01-B	8,0	3,0	3,0	5,0	4,9	
38	B15DCMR042	Nguyễn Ngọc Huyền	D15CQMR03-B	10,0	6,0	6,0	6,0	6,4	
39	B15DCMR041	Trịnh Thu Huyền	D15CQMR02-B	10,0	5,0	5,0	3,5	4,5	
40	B15DCKT080	Võ Thị Thanh Huyền	D15CQKT04-B	10,0	4,0	4,0	6,5	6,4	
41	B15DCPT124	Nguyễn Tuấn Khôi	D15CQPT04-B	10,0	4,0	4,0	7,5	7,1	
42	B15DCPT128	Nguyễn Ngọc Lâm	D15CQPT03-B	8,0	3,0	3,0	5,0	4,9	
43	B15DCPT143	Lưu Thị Hương Ly	D15CQPT03-B	8,0	5,0	5,0	4,0	4,6	
44	B15DCMR057	Trần Thị Mai	D15CQMR03-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
45	B15DCTT052	Lê Thị Minh	D15CQTT02-B	10,0	4,0	4,0	4,5	5,0	
46	B15DCPT150	Nguyễn Nhật Minh	D15CQPT05-B	10,0	5,0	5,0	2,0	3,4	
47	B15DCKT112	Vũ Huyền My	D15CQKT04-B	10,0	5,0	5,0	7,0	6,9	
48	B15DCPT161	Đào Nhật Nam	D15CQPT01-B	8,0	4,0	4,0	5,5	5,5	
49	B15DCPT153	Hoàng Phương Nam	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
50	B15DCPT158	Lương Văn Nam	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
51	B15DCPT163	Nguyễn Hải Nam	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	7,0	6,7	
52	B15DCKT116	Nguyễn Thị Nga	D15CQKT04-B	10,0	4,0	4,0	5,5	5,7	
53	B15DCKT117	Trần Thị Nga	D15CQKT01-B	10,0	5,0	5,0	2,0	3,4	
54	B15DCPT168	Vũ Văn Nghĩa	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	
55	B15DCPT173	Nguyễn Thị Tâm Như	D15CQPT03-B	8,0	3,0	3,0	5,0	4,9	
56	B15DCPT174	Trần Thị Tuyết Nhung	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
57	B15DCKT139	Bùi Nguyễn Quỳnh Phương	D15CQKT03-B	10,0	6,0	6,0	9,5	8,9	
58	B15DCKT137	Bùi Thị Phương	D15CQKT01-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
59	B15DCPT183	Trương Thị Phượng	D15CQPT03-B	8,0	6,0	6,0	5,5	5,9	
60	B12DCQT253	Lê Hồng Quân	D12QTDN1	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
61	B15DCQT140	Vũ Duy Quang	D15CQQT04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
62	B15DCPT188	Ngô Trung Quốc	D15CQPT03-B	8,0	4,0	4,0	4,5	4,8	
63	B15DCKT145	Nguyễn Thị Quyên	D15CQKT01-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
64	B15DCTT062	Lê Thị Như Quỳnh	D15CQTT02-B	10,0	5,0	5,0	7,5	7,3	
65	B15DCTT065	Nguyễn Cơ Thạch	D15CQTT01-B	10,0	3,0	3,0	6,0	5,8	
66	B15DCPT204	Nguyễn Hữu Thắng	D15CQPT04-B	4,0	3,0	3,0	0,5	1,4	
67	B15DCPT208	Trần Duy Thanh	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	5,5	5,7	
68	B15DCPT210	Đoàn Công Thành	D15CQPT05-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
69	B15DCTT070	Nguyễn Công Thành	D15CQTT02-B	6,0	3,0	3,0	3,0	3,3	
70	B15DCKT164	Lê Thị Phương Thảo	D15CQKT04-B	8,0	3,0	3,0	2,0	2,8	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
71	B15DCPT216	Nguyễn Hữu Thịnh	D15CQPT01-B	8,0	5,0	5,0	8,5	7,8	
72	B15DCPT223	Nguyễn Thị Thương	D15CQPT03-B	10,0	8,0	8,0	8,0	8,2	
73	B15DCKT180	Nguyễn Thị Thúy	D15CQKT04-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
74	B15DCPT233	Nguyễn Xuân Toàn	D15CQPT03-B	8,0	4,0	4,0	0,0	1,6	
75	B15DCPT241	Trần Đức Trung	D15CQPT01-B	6,0	4,0	4,0		1,4	Vắng
76	B15DCPT245	Lê Đình Trường	D15CQPT05-B	8,0	7,0	7,0	8,0	7,8	
77	B15DCMR119	Lê Công Trường	D15CQMR02-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	
78	B15DCTT082	Đào Huy Tú	D15CQTT02-B	10,0	5,0	5,0	2,0	3,4	
79	B15DCPT253	Đỗ Thị Khả Tú	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	2,0	3,4	
80	B15DCTT080	Nguyễn Minh Tú	D15CQTT02-B	10,0	7,0	7,0	5,0	5,9	
81	B15DCPT258	Nguyễn Anh Tuấn	D15CQPT03-B	10,0	5,0	5,0	3,0	4,1	
82	B15DCTT084	Lê Thanh Tùng	D15CQTT02-B	8,0	5,0	5,0	5,0	5,3	
83	B15DCPT273	Nguyễn Văn Vũ	D15CQPT03-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	83	SV	- Số SV dự thi:	75	SV
- Số SV thi đạt:	47	SV	- Số SV vắng thi:	1	SV
- Số SV thi không đạt:	35	SV	- Số SV vắng thi có phép:	1	SV
- Số SV thi lại:	1	SV			

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường